

QUYẾT ĐỊNH

**Về Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật
trong ngành Công Thương**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Công an,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật trong ngành Công Thương gồm những tin, tài liệu trong phạm vi sau:

1. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp và thương mại trực tiếp phục vụ nhiệm vụ bảo vệ an ninh, quốc phòng chưa công bố hoặc không công bố.

2. Thông tin, hồ sơ, tài liệu về những dự án của Chương trình Kinh tế - Kỹ thuật về công nghệ vật liệu và tự động hóa thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa công bố hoặc không công bố.

Điều 2. Danh mục bí mật Nhà nước độ Tối mật trong ngành Công Thương gồm những tin, tài liệu trong phạm vi sau:

1. Kế hoạch, biện pháp hoạt động của ngành cơ khí, luyện kim, vật liệu nổ công nghiệp, năng lượng điện, hoá chất, dầu khí, thương mại liên quan trực tiếp đến chiến lược an ninh, quốc phòng hoặc kinh tế biển quốc gia.

2. Chương trình, kế hoạch hợp tác đầu tư với nước ngoài về ngành cơ khí, luyện kim, năng lượng điện, hóa chất, dầu khí, thương mại chưa công bố hoặc không công bố.

3. Phương án đàm phán, quá trình đàm phán các hiệp định về kinh tế - thương mại, các hợp đồng, đề án lớn mang tính chiến lược của ngành thương mại, cơ khí, luyện kim, năng lượng điện, hoá chất, dầu khí, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác đã được phê duyệt.

4. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác thương mại liên quan tới chính sách thị trường, mặt hàng trọng điểm, định hướng hoạt động của ngành cơ khí, luyện kim, năng lượng điện, hóa chất, dầu khí, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác chưa công bố hoặc không công bố.

5. Văn bản của Bộ Công Thương gửi lãnh đạo Đảng, Nhà nước để xin ý kiến chỉ đạo về chính sách thương mại và giá cả một số mặt hàng trọng yếu chưa công bố.

6. Kế hoạch, ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, phương án chuẩn bị đàm phán và các tài liệu phục vụ đàm phán để ký kết các thỏa thuận, hiệp định về kinh tế - thương mại và giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện thương mại giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế chưa công bố hoặc không công bố.

7. Kế hoạch xuất nhập khẩu những mặt hàng trọng yếu của Nhà nước, số liệu tổng hợp và những đánh giá quan trọng về xuất nhập khẩu chưa công bố hoặc không công bố.

8. Trữ lượng các mỏ than, dầu khí, khoáng sản quý hiếm, các phương án tìm kiếm - thăm dò, các tài liệu đánh giá tiềm năng dầu khí ở thềm lục địa và các vùng đặc quyền kinh tế chưa công bố hoặc không công bố.

9. Công trình khoa học, phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, bí quyết nghề nghiệp trong ngành Công Thương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học, công nghệ chưa được cấp bằng sáng chế hoặc chưa công bố.

10. Kế hoạch động viên trong ngành Công Thương phục vụ cho yêu cầu an ninh, quốc phòng.

11. Bản thiết kế, sơ đồ mạng lưới cung cấp điện cho các công trình an ninh, quốc phòng và công trình đặc biệt quan trọng của đất nước được Thủ tướng Chính phủ quy định.

12. Nơi lưu giữ và số lượng đá quý, kim loại quý hiếm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế các Quyết định: số 31/2005/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật Nhà nước độ Tối mật trong ngành Công nghiệp, số 160/2003/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật trong ngành Thương mại, số 392/TTg ngày 02 tháng 8 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật Nhà nước ngành Dầu khí.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b).Hà 295

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng